

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 002/VCF/2025

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

Sau đây viết tắt là ("VCF")

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: (0251) 383 6554 Fax: (0251) 383 6108

Mã số doanh nghiệp: 3600261626

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: được thay thế bởi Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm FSSC 22000 số 38161802002 và Giấy chứng nhận này được cập nhật theo từng thời điểm.

**II. Thông tin về sản phẩm**

**1. Tên sản phẩm: CÀ PHÊ HỖN HỢP HÒA TAN (365)**

**2. Thành phần:** Cà phê 184 g (\*), maltodextrin.

(\*): Khối lượng nguyên liệu để sản xuất 100 g thành phẩm.

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:**

24 tháng kể từ NSX (điều kiện bảo quản dưới 25 °C) hoặc

12 tháng kể từ NSX (ở điều kiện thường)

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

- Sản phẩm được đóng gói trong bao bì nhựa PE, đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế. Khối lượng tịnh: 25 kg, 320 kg

- Các bao 25 kg được đóng trong thùng carton với quy cách 1 bao/thùng.

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

- D: Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

- L: Nhà máy cà phê Biên Hòa II – Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

Bản tự công bố này đăng tải tại website: [www.vinacafebienhoa.com](http://www.vinacafebienhoa.com)

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa ("Công ty"), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.



*[Handwritten signature]*

Địa chỉ: Lô đất số C.I.III – 3+5+7, Khu Công Nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

(địa chỉ sản xuất được mã hóa thành ký tự in hoa, in gần khu vực thông tin NSX-HSD)

**III. Mẫu nhãn sản phẩm** (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm** (đính kèm Phụ lục - Danh mục chi tiết chỉ tiêu và mức công bố)

Sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm, ban hành kèm theo Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế cho nhóm sản phẩm cà phê hòa tan (cà phê uống liền)
2. QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, ban hành kèm theo Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế cho nhóm sản phẩm cà phê.
3. Tiêu chuẩn của nhà sản xuất

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Đồng Nai, ngày 11 tháng 03 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC



Huỳnh Công Hoàn

Bản tự công bố này đăng tải tại website: [www.vinacafebienhoa.com](http://www.vinacafebienhoa.com)

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa ("Công ty"), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.

de

Phụ lục

**DANH MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ**

Đính kèm bản Tự công bố số 002/VCF/2025



<b>CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ, BIÊN HÒA</b>	<b>NHÓM SẢN PHẨM CÀ PHÊ</b>	<b>Số TCCS 02:2025/BH106</b>
	<b>CÀ PHÊ HỖN HỢP HÒA TAN (365)</b>	Có hiệu lực kể từ ngày hoàn tất thủ tục tự công bố và/hoặc thủ tục thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền

**1. Các chỉ tiêu cảm quan:** theo tiêu chuẩn nhà sản xuất

- Trạng thái: Dạng bột, tơi khô, không vón cục, không có vật lạ.
- Màu sắc: Màu nâu đặc trưng.
- Mùi, vị: Thơm đặc trưng, không có mùi, vị lạ.

**2. Các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu:** theo tiêu chuẩn nhà sản xuất

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Độ ẩm	% khối lượng	$\leq 5,0$
2	Hàm lượng caffeine (cafein)	% khối lượng	$\geq 2,5$

**3. Các chỉ tiêu vi sinh vật:** theo tiêu chuẩn nhà sản xuất (QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm, ban hành kèm theo Thông tư số 05/2012/TT-BYT ngày 01 tháng 03 năm 2012 của Bộ Y tế không có quy định cho sản phẩm cà phê):

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/g	$10^3$
2	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	$10^4$
3	<i>Salmonella</i>	/25 g	Không phát hiện
4	<i>Enterobacteriaceae</i>	CFU/g	$10^2$

Bản tự công bố này đăng tải tại website: [www.vinacafebienhoa.com](http://www.vinacafebienhoa.com)

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa ("Công ty"), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.



*[Handwritten signature]*

- 4. Hàm lượng kim loại nặng:** Theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, ban hành kèm Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế cho nhóm sản phẩm cà phê:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng chì (Pb)	mg/kg	2,0
2	Hàm lượng arsen (As)	mg/kg	1,0
3	Hàm lượng cadmi (Cd)	mg/kg	1,0
4	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

- 5. Hàm lượng độc tố vi nấm:** Theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm, ban hành kèm Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế cho nhóm sản phẩm cà phê hòa tan (cà phê uống liền):

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	10,0



Bản tự công bố này đăng tải tại website: [www.vinacafebienhoa.com](http://www.vinacafebienhoa.com)

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa (“Công ty”), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.



## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

## Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : PR9K2412050475

Mã số mẫu : 743-2024-00181930

Mã số Eol :

005-32410-369733

Tên mẫu :

CÀ PHÊ HỖN HỢP HÒA TAN (365)

Tình trạng mẫu :

Mẫu đựng trong bao bì ghép mí

Ngày nhận mẫu :

05/12/2024

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 11/12/2024

Thời gian thử nghiệm :

06/12/2024 - 12/12/2024

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD346 VD (a) <i>Enterobacteriaceae</i>	cfu/ g	ISO 21528-2:2017	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD368 VD (a) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	TCVN 10780-1:2017 ISO 6579-1:2017/Amd. 1:2020	Không phát hiện
3	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	Không phát hiện (LOD=10)
4	VD0GC VD Tổng số bào tử nấm men và nấm mốc	cfu/ g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	Không phát hiện (LOD=10)
5	VD026 VD (a) Cafein	g/ 100 g	ISO 20481:2008	3.47
6	VD50K VD (a) Độ ẩm (Karl Fischer)	%	TCVN 9722:2013 (ISO 20938:2008)	3.53
7	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
8	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
9	VD856 VD (a) Arsen (As)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Phát hiện vết (<0.03)
10	VD857 VD (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)
11	VDL14 VD (a) Ochratoxin A	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-19659 (Ref. AOAC 2000.09 & AOAC 2004.10 & TCVN 8426:2010 & TCVN 9724:2013 (EN 14132:2009))	Phát hiện vết (<1)

Phát hiện vết: kết quả  $\geq$  LOD và  $<$  LOQ

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp



## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ  
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí MinhLý Hoàng Hải  
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 12/12/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 12/12/2024.

## Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải [www.eurofins.vn/vn/eurofins-tại-việt-nam/eurofins-sắc-ký-hải-đăng/điều-khoản-và-điều-kiện-chung-về-cung-cấp-dịch-vụ/](http://www.eurofins.vn/vn/eurofins-tại-việt-nam/eurofins-sắc-ký-hải-đăng/điều-khoản-và-điều-kiện-chung-về-cung-cấp-dịch-vụ/).

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.



# GIẤY CHỨNG NHẬN



Chứng nhận Hệ thống Quản lý An Toàn Thực Phẩm của đơn vị:

## NHÀ MÁY CÀ PHÊ BIÊN HÒA II - CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA

COID code: VNM-1-4777-500056

Địa chỉ: Lô đất C.I.III-3+5+7, Khu công nghiệp Long Thành, Xã Tam An,  
Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

đã được Intertek đánh giá và chứng nhận phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn:

### CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG AN TOÀN THỰC PHẨM FSSC 22000 v5.1, SẢN XUẤT THỰC PHẨM

Chương trình chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm bao gồm những thành phần: ISO 22000:2018, ISO/TS 22002-1:2009 và những điều khoản bổ sung của tiêu chuẩn FSSC 22000 (phiên bản 5.1)

Phạm vi áp dụng của Hệ thống Quản lý An Toàn Thực Phẩm là:

Làm sạch, rang, xay, trích ly, cô đặc, sấy, trộn và đóng gói cà phê hòa tan trong túi lớn.

Phân nhóm sản phẩm trong chuỗi thực phẩm: CIV

Giấy Chứng Nhận số:

38161412001

Ngày quyết định cấp Giấy Chứng nhận:

22/03/2024

Ngày cấp Giấy Chứng nhận lần đầu:

25/03/2015

Ngày cấp/Ngày tái cấp:

22/03/2024

Có hiệu lực đến ngày:

24/03/2027



intertek



*Calin Moldovean*

Authorised Signature:

Calin Moldovean

President, Business Assurance

Intertek Certification Limited, 10A  
Victory Park, Victory Road, Derby DE24  
8ZF, United Kingdom

Intertek Certification Limited is a  
UKAS accredited body under  
schedule of accreditation no. 014.



*Signature*

NHÃN SẢN PHẨM (DỰ KIẾN)



# CÀ PHÊ HỖN HỢP HÒA TAN (365)

LOẠI: (vị trí in mã kiểm soát nội bộ)

## Khối lượng tịnh: 25 kg

**Thành phần:** Cà phê 184 g (\*), maltodextrin. (\*) *Khối lượng nguyên liệu để sản xuất 100 g thành phẩm*

**Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:** Độ ẩm không quá 5 %. Hàm lượng caffeine tối thiểu 2,5 %.

**Hướng dẫn sử dụng:** Sử dụng trong chế biến thực phẩm và đồ uống.

**Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh để gần hóa chất và sản phẩm có mùi mạnh.

Sản xuất theo số TCCS 02:2025/BH106

**Ngày sản xuất (NSX):** xem trên bao bì.

**Hạn sử dụng (HSD):** 24 tháng kể từ NSX (điều kiện bảo quản dưới 25 °C) hoặc 12 tháng kể từ NSX (ở điều kiện thường).

**Kiểm tra ngày sản xuất và hạn sử dụng trước khi dùng.**

**Sản phẩm của:** CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

**Sản xuất tại Việt Nam**

Dành riêng cho thị trường Việt Nam, không dành cho xuất khẩu.

*Exclusively for sale in Vietnam. Exports are not authorized.*

# CÀ PHÊ HỖN HỢP HÒA TAN (365)

LOẠI: (vị trí in mã kiểm soát nội bộ)

## Khối lượng tịnh: 320 kg

**Thành phần:** Cà phê 184 g (\*), maltodextrin. (\*) *Khối lượng nguyên liệu để sản xuất 100 g thành phẩm*

**Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:** Độ ẩm không quá 5 %. Hàm lượng caffeine tối thiểu 2,5 %.

**Hướng dẫn sử dụng:** Sử dụng trong chế biến thực phẩm và đồ uống.

**Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh để gần hóa chất và sản phẩm có mùi mạnh.

Sản xuất theo số TCCS 02:2025/BH106

**Ngày sản xuất (NSX):** xem trên bao bì.

**Hạn sử dụng (HSD):** 24 tháng kể từ NSX (điều kiện bảo quản dưới 25 °C) hoặc 12 tháng kể từ NSX (ở điều kiện thường).

**Kiểm tra ngày sản xuất và hạn sử dụng trước khi dùng.**

**Sản phẩm của:** CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

**Sản xuất tại Việt Nam**

Dành riêng cho thị trường Việt Nam, không dành cho xuất khẩu.

*Exclusively for sale in Vietnam. Exports are not authorized.*

Bản tự công bố này đăng tải tại website: [www.vinacafebienhoa.com](http://www.vinacafebienhoa.com)

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa ("Công ty"), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.

07-03-2025

NHÂN SẢN PHẨM (DỰ KIẾN)

# CÀ PHÊ HỖN HỢP HÒA TAN (365)

LOẠI: (vị trí in mã kiểm soát nội bộ)

## Khối lượng tịnh: 25 kg

**Thành phần:** Cà phê 184 g (\*), maltodextrin. (\*) *Khối lượng nguyên liệu để sản xuất 100 g thành phẩm*

**Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:** Độ ẩm không quá 5 %. Hàm lượng caffeine tối thiểu 2,5 %.

**Hướng dẫn sử dụng:** Sử dụng trong chế biến thực phẩm và đồ uống.

**Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh để gần hóa chất và sản phẩm có mùi mạnh.

Sản xuất theo số TCCS 02:2025/BH106

**Ngày sản xuất (NSX):** xem trên bao bì.

**Hạn sử dụng (HSD):** 24 tháng kể từ NSX (điều kiện bảo quản dưới 25 °C) hoặc 12 tháng kể từ NSX (ở điều kiện thường).

**Kiểm tra ngày sản xuất và hạn sử dụng trước khi dùng.**

**Sản phẩm của:** CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

**Sản xuất tại Việt Nam**

Dành riêng cho xuất khẩu. *For exports only.*

# CÀ PHÊ HỖN HỢP HÒA TAN (365)

LOẠI: (vị trí in mã kiểm soát nội bộ)

## Khối lượng tịnh: 320 kg

**Thành phần:** Cà phê 184 g (\*), maltodextrin. (\*) *Khối lượng nguyên liệu để sản xuất 100 g thành phẩm*

**Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:** Độ ẩm không quá 5 %. Hàm lượng caffeine tối thiểu 2,5 %.

**Hướng dẫn sử dụng:** Sử dụng trong chế biến thực phẩm và đồ uống.

**Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh để gần hóa chất và sản phẩm có mùi mạnh.

Sản xuất theo số TCCS 02:2025/BH106

**Ngày sản xuất (NSX):** xem trên bao bì.

**Hạn sử dụng (HSD):** 24 tháng kể từ NSX (điều kiện bảo quản dưới 25 °C) hoặc 12 tháng kể từ NSX (ở điều kiện thường).

**Kiểm tra ngày sản xuất và hạn sử dụng trước khi dùng.**

**Sản phẩm của:** CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

**Sản xuất tại Việt Nam**

Dành riêng cho xuất khẩu. *For exports only.*

Bản tự công bố này đăng tải tại website: [www.vinacafebienhoa.com](http://www.vinacafebienhoa.com)

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa ("Công ty"), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.

07-03-2025